

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HÒA THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/QĐ-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 09 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thu chi ngân sách quý 1 năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024 ;

Căn cứ Quyết định số 7289/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND, ngày 29/12/2023 của HĐND xã An Hòa Thịnh về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu chi Ngân sách quý 1 năm 2024 (Có số liệu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Ban Tài chính ngân sách, các tổ chức, Ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Tài chính – Kế toán
(gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC.



Nguyễn Hữu Đông

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Thực hiện quý 1	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	11.416.832.000	3.199.918.018	28.03
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	91.000.000	3.510.000	3.86
2	Các khoản thu xã hưởng theo tỷ lệ (1)	585.100.000	61.731.018	10.55
3	Thu bổ sung	10.740.732.000	2.928.000.000	27.26
	- Thu bổ sung cân đối	10.740.732.000	2.700.000.000	25.14
	- Thu bổ sung có mục tiêu		228.000.000	
4	Thu chuyển nguồn		206.677.000	
II	TỔNG SỐ CHI	11.416.832.000	2.607.729.627	22.84
1	Chi đầu tư phát triển	450.000.000		0.00
2	Chi thường xuyên	10.744.708.000	2.607.729.627	24.27
4	Dự phòng	222.124.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 3/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND xã)

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN		SO SÁNH(%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
I	TỔNG THU							
1	Các khoản thu 100%	12.371.409.000	11.623.509.000	3.252.237.991	3.199.918.018	26.29	27.53	
1	Phí, lệ phí	91.000.000	91.000.000	3.510.000	3.510.000	3.86	3.86	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	25.000.000	25.000.000	3.510.000	3.510.000	14.04	14.04	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	60.000.000	60.000.000			9.71	9.71	
4	Thu phạt và tịch thu khác theo quy định							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác							
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)	6.000.000	6.000.000					
1	Các khoản thu phân chia	1.333.000.000	585.100.000	114.050.991	61.731.018	0.00	0.00	
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	24.000.000	30.229.861	28.110.247	8.56	10.55	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình					100.77	117.13	
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh							
1.4	Lệ phí trước bạ, nhà đất							
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	30.000.000	24.000.000	19.600.000	19.600.000			
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1.303.000.000	561.100.000	10.598.083	8.478.469			
2.2	Thu tiền mặt đất, mặt nước	1.000.000.000	450.000.000	83.821.130	33.620.771	6.43	5.99	
2.3	Thuế GTGT-TNDN	3.000.000	900.000					
2.4	Các khoản thu phân chia khác	300.000.000	110.200.000	10.367.470	3.110.241			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)			73.453.660	30.510.530			
IV	Thu chuyển nguồn							
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	206.677.000	206.677.000	206.677.000	206.677.000			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối	10.740.732.000	10.740.732.000	2.928.000.000	2.928.000.000	27.26	27.26	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	10.740.732.000	10.740.732.000	2.700.000.000	2.700.000.000	25.14	25.14	



Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 3/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện quý I			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	TX
	TỔNG CHI	11.416.832.000	450.000.000	10.966.832.000	2.607.729.627	0	2.607.729.627	22.84	23.78
	Trong đó:				0				
1	Chi sự nghiệp Quốc phòng	646.376.800		646.376.800	168.747.000		168.747.000	26.11	26.11
2	Chi trật tự an toàn xã hội	502.320.000		502.320.000	110.580.000		110.580.000	22.01	22.01
3	Chi giáo dục:				49.400.000		49.400.000		
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0				
5	Chi y tế	123.120.000		123.120.000	30.780.000		30.780.000	25.00	25.00
6	Chi văn hóa, thông tin	45.000.000		45.000.000	20.000.000		20.000.000	44.44	44.44
7	Chi phát thanh, truyền thanh	40.000.000		40.000.000					
8	Chi thể dục thể thao	35.000.000		35.000.000	22.500.000		22.500.000		
9	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	0			0.00	0.00
10	Chi các hoạt động kinh tế	667.350.000	205.000.000	462.350.000	120.863.304		120.863.304	18.11	26.14
11	Chi hoạt động của cơ quan Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.386.078.000	245.000.000	8.141.078.000	1.968.324.323		1.968.324.323	24.18	24.18
12	Chi cho công tác xã hội	467.002.000		467.002.000	116.535.000		116.535.000	24.95	24.95
13	Chi khác (cải cách tiền lương)	232.461.200		232.461.200	0				
14	Dự phòng ngân sách	222.124.000		222.124.000	0				